BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỸ THUẬT TP. HCM

CÔNG KHAI CAM KẾT CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC NĂM 2020 – 2021

Biểu mẫu 19

A. Công khai thông tin về diện tích đất, tổng diện tích sàn xây dựng

STT	Nội dung	Diện tích (m^2)	Hình thức sử dụng		
			Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Tổng diện tích đất cơ sở đào tạo quản lý sử dụng trong đó:	**6.591,9**	X		
a	Trụ sở chính	5.851,9	X		
b	Ký túc xá	740	X		
c	Cơ sở 2	0			
2	Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học	**24.823.59**	X		
a	Trụ sở chính	13.500,69	X		
	- Nhà học thực hành - Thư viện - Nhà học lý thuyết + thực hành cũ - Nhà hoạ phẩm và VP.trung tâm - Nhà học lý thuyết	12.269 300 636,49 295,2 9.716			
	Xưởng điêu khắc KTX	260			
b	Ký túc xá	1.346,9	x		
c	Cơ sở 2	0			

B. Công khai thông tin về các phòng thí nghiệm, phồng thực hành, xưởng thực tập, nhà tập đa năng, hội trường, phòng thư viện, trung tâm học liệu

STT	Tên	Số lượng	Mục đích sử dụng	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m^2)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Phòng thí nghiệm	0			0			
2	Phòng thực hành,	47	Phòng thực hành vẽ chuyên ngành	Sinh viên, học viên	3.330	X		

3	Xưởng thực tập	06	Xưởng sơn mài	Sinh viên, Học viên, Giảng viên	547	X		
			Xưởng điêu khắc các chất liệu (Trệt, KTX)			X		
			Xưởng in (Trệt, 5, 7)			X		
4	Nhà tập đa năng	0						
5	Hội trường	02	Tổ chức hội nghị; hội thảo; họp GV, SV trường; Học tập		365,2	X		
6	Phòng học lý thuyết	13	Học các môn lý luận, lý thuyết	Sinh viên, Học viên	1.076,34	X		
	Phòng máy tính	21	Học và thực hành thiết kế đồ hoạ, vi tính cơ bản	Sinh viên, Học viên	1.026,36	X		
7	Phòng đa phương tiện	03	Phim trường	Sinh viên, Giảng viên	176	X		
			Studio truyền thông		176,64			
			Studio nhiếp ảnh		35,28			
8	Phòng học nhóm	03		Giảng viên, sinh viên, học viên	168	X		
9	Phòng đa năng	02		Giảng viên, sinh viên, học viên	256	X		
10	Thư viện	01	Nghiên cứu, tra cứu	Giảng viên, sinh viên, học viên	300	X		
11	Trung tâm học liệu	0			0			
12	Các phòng chức năng khác	7 (tầng)	Văn phòng, nhà xe	CB- Giảng viên, sinh viên, học viên	5.859	X		
13	Sân vận động	01	Rèn luyện sức khoẻ	Giảng viên, sinh viên, học viên	289	X		

C. Công khai thông tin về học liệu (sách, tạp chí, E- Book, cơ sở dữ liệu điện tử của thư viện

STT	Tên	Số lượng
1	Số phòng đọc	1
2	Số chỗ ngồi đọc	50
3	Số máy tính của thư viện	15
4	Số lượng đầu sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu trong thư viện (đầu sách, tạp chí)	42523
5	Số lượng thư viện liên kết ngoài trường	0

D. Diện tích đất/sinh viên; diện tích sàn/sinh viên

STT	Tên	Tỉ lệ Mét vuông/sv
1	Diện tích đất/sinh viên (sv, học viên, ncs): 6591,9/1114	5, 92
2	Diện tích sàn/sinh viên (sv, học viên, ncs): 21.823,59/1114	22,28

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2021

Hiệu trưởng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỸ THUẬT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

PGS.TS Nguyễn Văn Minh